**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

A 14-HDKHCN

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

**Số: /201…/HĐ-KHCN**

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc Ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về Về việc Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cấp cơ sở

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm…

Hôm nay, ngày tháng năm 20.. tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

**Chúng tôi gồm:**

**A. Bên giao (Bên A) là: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định**

- Đại diện là Ông:

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Số tài khoản:

**B. Bên nhận (Bên B) là: Nhóm thực hiện đề tài**

- Đại diện là Ông/Bà:

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Tel (cơ quan):

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học với các điều khoản sau:

**Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài.**

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài ***“…….”,*** theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài, Phụ lục 1 và bản dự toán chi tiết kinh phí kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài là………tháng, từ tháng…/…đến tháng…/…..

- Kinh phí để thực hiện Đề tài là: ….. đồng (ghi chữ). Kinh phí đề tài được cấp một lần duy nhất và chỉ được cấp khi bên B hoàn thành sản phẩn giao nộp theo đúng kết luận của hội đồng nghiệm thu và được Phòng QL NCKH xác nhận.

*2.* Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên.**

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

*a.* Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài, Phụ lục 1 và bản dự toán chi tiết kinh phí kèm theo Hợp đồng này.

*b.* Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài, Phụ lục 1 và bản dự toán chi tiết kinh phí kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

*c.* Cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 1 theo bản dự toán chi tiết kinh phí của Hợp đồng.

*d.* Tham gia ý kiến với bên B về kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

*e.* Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

*f.* Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh Đề tài;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

 g*.* Phối hợp cùng bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do bên A cấp (nếu có) hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài;

 *h.* Uỷ quyền cho bên B tiến hành đăng ký quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành;

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.**

*a.* Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

*b.* Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó đã dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện được: không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

*c.* Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài, Phụ lục 1 và bản dự toán chi tiết kinh phí kèm theo Hợp đồng.

*d.* Xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của đề tài bằng kinh phí do bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm trang bị, thiết bị theo quy định;

*e.* Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

*f.* Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

*g.* Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

h. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có). Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

j. Thực hiện việc đăng ký kết quả nghiên cứu của đề tài tại Trung tâm Thư viện của Nhà trường;

k. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài, cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

*l.* Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

**Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng.**

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

*a.* Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A quyết toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

*b.* Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn, chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

*a.* Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

 *b.* Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài: Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

**Điều 4.** **Điều khoản chung.**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có thể thoả thuận đưa tranh chấp ra trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thoả thuận giải quyết tại trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng.**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, và chỉ hết hiệu lực khi hai bên đã tiến hành thanh lý Hợp đồng.

2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, bên A giữ 03 bản và bên B giữ 01 bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên B****Chủ nhiệm đề tài** | **Bên A** |

 ***Phụ lục 1. Danh mục sản phẩm Khoa học và Công nghệ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Thời gian****giao nộp** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

 **DỰ TOÁN CHI TIẾT**

**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HỖ TRỢ ĐỀ TÀI**

*(Kèm theo Quyết định số: /ĐDN ngày tháng năm 201 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

**I. Tên đề tài:**

1. Tổng kinh phí đề tài: **………… đồng**

 + Kinh phí chương trình đề tài, dự án:

(*Bằng chữ:……………………………………………….)*

 + Kinh phí thu hồi: Không thu hồi

+ Phân kỳ hỗ trợ kinh phí:

 2. Thời gian thực hiện :

3. Đơn vị thực hiện:

**II. Nội dung dự toán**:

 *Đơn vị tính: đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** |
| **Trả công lao động** | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Chi khác** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH: |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn khác |  |  |  |  |  |

# DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*Đơn vị : triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | **Nguồn vốn** |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ (%)** | **NSNN** | **Tự có** | **Khác** |
|  | Thuê khoán chuyên môn |  |  |  |  |  |
|  | Nguyên, vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |
|  | Thiết bị, máy móc chuyên dùng |  |  |  |  |  |
|  | Xây dựng, sửa chữa nhỏ |  |  |  |  |  |
|  | Chi khác |  |  |  |  |  |
|  |  Tổng cộng |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

 (*Triệu đồng*)

### *Khoản 1. Thuê khoán chuyên môn*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thuê khoán** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn** |
| **NSNN** | **Tự có** | **Khác** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng  |  |  |  |  |

***Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** |
| **NSNN** | **Tự có** | **Khác** |
| *2.1* | *Nguyên, vật liệu* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2.2* | *Dụng cụ, phụ tùng* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2.3* | *Năng lượng, nhiên liệu* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Than |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Điện | kW/h |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |
| *2.4* |  *Nước* | *m3* |  |  |  |  |  |  |
| *2.5* |  *Mua sách, tài liệu, số liệu* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |  |

### *Khoản 3. Thiết bị, máy móc chuyên dùng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** |
| **NSNN** | **Tự có** | **Khác** |
| *3.1* | *Mua thiết bị công nghệ* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3.2* | *Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3.3* | *Khấu hao thiết bị* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3.4* | *Thuê thiết bị* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3.5* |  *Vận chuyển lắp đặt* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |  |

***Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** |
| **NSNN** | **Tự có** | **Khác** |
| 4.1 | Chi phí xây dựng      m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |
| 4.2 | Chi phí sửa chữa       m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |
| 4.3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, hệ thống nước |  |  |  |  |
| 4.4 | Chi phí khác |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | ***Cộng*** |  |  |  |  |

***Khoản 5*. *Chi khác***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** |
| **NSNN** | **Tự có** | **Khác** |
| *5.1* | *Công tác phí*  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| *5.2* | *Quản lý cơ sở*  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| *5.3* | *Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu* |  |  |  |  |
|  | - Chi phí kiểm tra, nghiệm thu trung gian |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu nội bộ |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu chính thức  |  |  |  |  |
| *5.4* | *Chi khác* |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo  |  |  |  |  |
|  | - Hội nghị |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |
|  | - Dịch tài liệu |  |  |  |  |
|  | ........ |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**Số: /QĐ-ĐDN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Nam Định, ngày tháng năm 2017*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 201..**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 7/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc Ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm…

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận Ông/Bà:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Là chủ nhiệm đề tài:

Đơn vị chủ trì:

**Điều 2.** Chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của đề tài theo đúng hợp đồng đã ký giữa Nhà trường với đơn vị thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc đề tài. Các ông Trưởng phòng Quản lý khoa học, chủ nhiệm đề tài, cơ quan thực hiện đề tài chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như điều 3;- Lưu: VT, QL NCKH. | **HIỆU TRƯỞNG****Lê Thanh Tùng** |